

越南现当代 文学作品选读

林明华、黄以亭 编选

广东外语外贸大学
越南语教研室
二〇〇二年七月

MỤC LỤC

Bài thứ 1:	Thơ Việt Nam.....	1
Bài thứ 2:	Thơ Việt Nam.....	14
Bài thứ 3:	Một cảnh mua bán ở nhà nghị Quế.....	28
Bài thứ 4:	Bước đường cùng.....	40
Bài thứ 5:	Chí Phèo.....	59
Bài thứ 6:	Bức thư Cà Mau.....	76
Bài thứ 7:	Về thăm đất lửa Quảng Trị.....	89
Bài thứ 8:	Đường chúng ta đi.....	97
Bài thứ 9:	Về quê.....	108
Bài thứ 10:	Hồi ước của một binh nhì.....	126
Bài thứ 11:	Mảnh trăng cuối rừng.....	136
Bài thứ 12:	Đợi đến mùa hoa phượng.....	153
Bài thứ 13:	Một thời gió bụi.....	163
Bài thứ 14:	Dời nhà lên phố.....	178
Bài thứ 15:	Hậu thiên đường.....	193
Bài thứ 16:	Người muôn năm cũ.....	210

Bài thứ 1: Thơ Việt Nam

A. Thơ Hồ Chí Minh

1. Cảm tưởng đọc Thiên gia thi

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

2. Nghe tiếng giã gạo

Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.

3. Mối ra tù, tập leo núi

Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

4. Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

5. Báo tiệp (Tin thắng trận)

Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
-- việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.

I. Giới thiệu tác giả:

Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 2/9/1969) tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung, còn có tên là Nguyễn Tất Thành. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Để hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Người đổi tên là Nguyễn Ái Quốc (cùng nhiều bí danh khác). Cuối cùng lấy tên là Hồ Chí Minh.

Thuở nhỏ học chữ Hán, được gần gũi với các chí sĩ duy tân; năm 1911 vào học trường Bách nghệ, rồi bỏ ra nước ngoài, vừa làm nhiều nghề lao động vừa tìm đường cứu quốc ở nhiều nước trên thế giới như Pháp, Nga, Trung Quốc. Năm 1923, sang Liên Xô, về Trung Quốc lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1924, lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông. Năm 1930, tại Hồng Công,

thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, sau là Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941 về Việt Nam, thành lập Mặt trận Việt Minh. Ngày 19 tháng 8 năm 1945, lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, được bầu là Chủ tịch nước cho đến khi mất.

Hồ Chí Minh không những là một nhà chính trị kiệt xuất, mà còn là một nhà văn hóa lớn và một nhà văn có nhiều đóng góp. Người viết văn chính luận, văn tiểu phẩm, văn báo chí, sáng tác thơ ca vân vân... Thơ ca của Người có nhiều bài viết bằng chữ Hán với phong vị thơ Đường, điêu luyện mà đậm đà “chất thép”. Phong cách thơ văn Hồ Chí Minh rất phong phú và đa dạng. Người sáng tác với nhiều thể loại khác nhau (thơ, kịch, truyện ngắn, văn tiểu phẩm, tiểu thuyết, văn chính luận...), trong nhiều thời gian khác nhau, với những đối tượng độc giả ở những nước khác nhau. Tập thơ *Nhật ký trong tù* (tập nhật ký bằng thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh trong thời kỳ Người bị bắt giam tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc từ ngày 29-8-1942 đến ngày 10-9-1943) là một sự kiện văn học trọng đại đã gây một tiếng vang rộng lớn trong và ngoài nước. Tập thơ đã được dịch và xuất bản tại nhiều nước. Tập thơ giúp ta hiểu thêm con người Chủ tịch Hồ Chí Minh, “một hình mẫu cao đẹp của con người mới trong thời đại mới, một biểu tượng của chủ nghĩa nhân văn với đầy đủ ý nghĩa của nó, một tấm gương tuyệt vời về người cộng sản”⁽¹⁾.

Nhật ký trong tù ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt không cho phép tác giả viết bằng tiếng Việt. *Nhật ký trong tù* cho ta hiểu một quãng đời gian khổ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một bài học lớn về tinh thần đấu tranh kiên

cường, về chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, về chủ nghĩa lạc quan cách mạng. *Nhật ký trong tù* còn là một bước tổng hợp mới của thi ca hiện đại Việt Nam.

II. Hướng dẫn:

1. Về bài *Cảm tưởng đọc thiên gia thi*: Trước cái đẹp của thiên nhiên, “con người” đã được tác giả đặt ở một vị trí như thế nào?
2. Về bài *Nghe tiếng giã gạo*: Qua tiếng giã gạo, tác giả đưa đến cho người đọc một triết lý gì?
3. Về bài *Mới ra tù, tập leo núi*: Bài thơ đã thể hiện những nội dung hàm ẩn sâu xa qua phép tu từ như thế nào?
4. Về bài *Nguyên tiêu*: (Bài dịch của Xuân Thủy) Dưới trăng sáng, “Giữa dòng bàn bạc việc quân” đã làm nổi bật lên một hình tượng như thế nào?
5. Về bài *Báo tiếp*: (Bài dịch của Huy Cận) Thử miêu tả tâm trạng của tác giả khi được tin thắng trận.
6. Tìm hiểu phong cách thơ của Hồ Chí Minh.

B. Tố Hữu: Miền Nam

Nếu tâm sự cùng ta bạn hỏi:
Tiếng nào trong muôn ngàn tiếng nói
Như nỗi niềm nhức nhối tim gan?
Trong lòng ta, hai tiếng: Miền Nam!

Khi âu yếm cùng anh, em hỏi:
Tên nào trong muôn ngàn tên gọi
Như mối tình chung thủy không tan?
Trong lòng anh, tên ấy: Miền Nam!

Nếu con hỏi quê nào đẹp nhất?
Bóng dừa xanh quanh sóng biển lam,
Óng ánh lúa chan hòa mặt đất
Xanh ngắt trời. Quê ấy: Miền Nam!

Ôi Miền Nam, vì sao mỗi lúc
Mây chiều xa bay giục cánh chim
Đêm khuya một tiếng bầu, tiếng trúc
Một câu hò... cũng động trong tim?

Vì sao chẳng ngày vui trọn vẹn
Như băng khuâng việc hẹn chưa làm?
Vì sao miếng cơm ăn bỗng nghẹn?
Một nửa còn cay đắng: Miền Nam!

Có ai biết ba ngàn đêm ấy
Mỗi đêm là biết mấy thân rơi!
Có ai biết bao nhiêu máu chảy

Máu Miền Nam, hơn chín năm trời!

Vì sao, hỡi Miền Nam yêu dấu
Người không hề tiếc máu hy sinh?
Vì sao, hỡi Miền Nam chiến đấu
Người hiên ngang không chịu cúi mình?

Có ai hỏi vì sao không nhủ
Ở Miền Nam còn lửa chiến tranh?
Có phải ở Miền Nam, giặc Mỹ
Đang cùng ta chung sống hòa bình?

Xin hãy trông những đôi mắt nhỏ
Đôi trông đen lạng ngó, rung rung
Rào gai thép giam em bé đỏ
Và quanh em lửa đỏ bùng bùng.

Hãy trông những người con gái ấy
Người ta yêu, khuôn mặt trái xoan
Một sáng sớm mùa xuân, thức dậy
Bỗng trời tràn bom cháy, thành than!

Hãy nghe tự Miền Nam, tiếng rú
Xé trời xanh, lũ “phượng hoàng” bay
Bầy chó dữ, những con – người – thú
Ăn gan người, uống máu no say!

Hãy nghe tiếng những người đang sống
Nhu biển động, âm âm tiếng sóng
Và hãy nghe cả tiếng người xưa

Như gió khơi reo vọng rừng dừa!

Tất cả nói một lời: Giải phóng!
Cứu Miền Nam! Cứu Miền Nam!
Ôi cửa phật, cũng dầu sôi lửa bỏng
Dầu thiêu mình làm đuốc, vẫn cam!

Có phải, hỡi Miền Nam anh dũng!
Khi ta đứng lên cầm khẩu súng
Ta vì ta, ba chục triệu người
Cũng vì ba ngàn triệu trên đời!

Ta tha thiết tự do dân tộc
Không chỉ vì một dải đất riêng
Kẻ đã rắc trên mình ta thuốc độc
Giết màu xanh cả trái đất thiêng!

Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ
Đất anh hùng của thế kỷ hai mươi!
Hãy kiêu hãnh: trên tuyến đầu chống Mỹ
Có Miền Nam, anh dũng tuyệt vời.

Miền Nam trong lửa đạn, sáng ngời!

14-12-1963

I. Giới thiệu tác giả:

Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành. Sinh năm 1920 ở làng Phù Lai, huyện Quảng Phong, tỉnh Bình Trị Thiên (nay tỉnh Thừa Thiên – Huế). Năm 1936, gia nhập Đoàn Thanh

niên Cộng sản, năm 1938 vào Đảng Công sản Đông Dương. tháng 4-1939, bị địch bắt và bị giam ở nhiều nhà lao. Từ trong nhà lao đã làm nhiều bài thơ cách mạng được phổ biến ở các nhà tù và ngoài nhân dân, sau này tập hợp lại thành tập *Từ ấy*. Tháng 3-1942, vượt ngục và tiếp tục hoạt động. Tháng 8-1945, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Huế. Từng giữ chức Phó Bí thư xứ uỷ Trung kỳ, đến kháng chiến là Bí thư tỉnh uỷ Thanh Hoá. Sau đó được Trung ương điều ra Việt Bắc giữ chức Trưởng tiểu ban văn nghệ Trung ương.

Từ Đại hội Đảng lần thứ II, III, IV đến Đại hội V lần lượt giữ các chức vụ: Uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Ban bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn, Trưởng ban khoa giáo Trung ương, Uỷ viên dự khuyết sau đó là Uỷ viên Bộ chính trị. Và đã từng đảm nhiệm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Bộ trưởng.

Những tác phẩm thơ và lý luận văn nghệ của Tố Hữu được đánh giá cao, tái bản nhiều lần, được tuyển chọn vào sách giáo khoa của các trường phổ thông và đại học, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.

Ông đã được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (đợt I, năm 1996).

Tác phẩm chính:

Thơ: *Từ ấy* (1946), *Viết Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ta trận* (1972), *Nước non ngàn dặm* (1973), *Máu và hoa* (1977), *Tác phẩm* (1979), *Thơ (tuyển tập)* (1983).

Lý luận: *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta* (1973), *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (1981), *Phấn đấu vì một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa (tuyển chọn từ hai tập trên)* (1982).

II. Hướng dẫn:

1. Miền Nam, trong tâm thức của tác giả, nó là những hình ảnh gì?
2. Hai tiếng “Miền Nam” nói lên những tình cảm gì của tác giả?

C. Nguyễn Đình Thi: Đất nước

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa
Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu

Bồng bồng chôn nhớ mắt người yêu.

Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên những tiếng căm hờn.

Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giăng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây, thằng chúa đất
Đứa đè cổ, đứa lột da.

Xiềng xích chúng bay không khoá nổi
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà.

Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng.

Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh
Trán cháy rục nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh.

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.

1948—1955

I. Giới thiệu tác giả:

Nguyễn Đình Thi sinh ngày 20-12-1924 tại Luang Prabang (Lào). Quê Hà Nội. Theo gia đình sống ở Lào, Hải Phòng và Hà Nội. Học đại học Luật. Bắt đầu viết văn từ năm 1942.

Tham gia cách mạng từ năm 1941. Đã từng bị bắt giam ở Hà Nội và Nam Định. Sau cách mạng giữ các chức vụ: Tổng thư ký Hội văn hóa cứu quốc, Ủy viên Tiểu ban dự thảo Hiến pháp và Ủy ban thường trực Quốc hội, đại biểu Quốc hội khóa 1. Từ 1948 là Ủy viên Ban chấp hành Hội văn nghệ Việt Nam. 1956-1958 giữ chức Tổng thư ký Hội liên hiệp văn học nghệ thuật. Năm 1957 giữ chức Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ. 1958-1959 giữ chức Tổng biên tập tuần báo Văn học. Từ 1958 giữ chức Tổng thư ký Hội Nhà văn, Ủy viên Đảng Đoàn văn nghệ Trung ương. Phó Chủ tịch Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam. Hiện nay, là Tổng thư ký Hội nhà văn Việt nam (khóa III).

Đất nước là một bài thơ ngắn được Nguyễn Đình Thi sáng tác trong một khoảng thời gian dài (1948 – 1955).

Tác phẩm chính:

Thơ: *Người chiến sĩ* (1956), *Bài thơ Hắc Hải* (1959), *Dòng sông trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1983).

Văn: *Xung kích* (1951), *Thu đông năm nay* (1954), *Bên bờ sông Lô* (1957), *Cái tết của mèo con* (1961), *Vỡ bờ* (tập 1,

1962; tập 2, 1970), *Vào lửa* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967)

Phê bình tiểu luận: *Mấy vấn đề văn học* (1956), *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay* (1957), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964).

Kịch: *Con nai đen* (1961), *Hoa và Ngân* (1975), *Giấc mơ* (1983)

II. Hướng dẫn:

1. Mùa thu ở Việt Bắc với mùa thu ở Hà Nội có gì khác dưới ngòi bút của tác giả?
2. Hình ảnh người chiến sĩ, hình ảnh đất nước được tác giả miêu tả như thế nào?
3. Tác giả đã dùng phép tu từ gì để thể hiện tâm tư tình cảm của mình?

Bài thứ 2: Thơ Việt Nam

A. Huy Cận: Tràng giang

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều,
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang,
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa,
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

I. Giới thiệu tác giả:

Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận, sinh ngày 31-5-1919 tại một gia đình trung nông ở xã Ân Phú, huyện Hương Sơn,